

Số: /QĐ-BNN-TCLN Hà Nội, ngày tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng
Dự án thành phần: “Trồng, bảo vệ và phát triển rừng
tại Viện Khoa học Lâm nghiệp Nam Trung Bộ và Tây Nguyên”
Thuộc dự án “Trồng, bảo vệ và phát triển rừng”**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2022/QH15; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14 và Luật số 62/QH14 ngày 17/6 /2020; Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14; Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 10/2021 /NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng và số 06/2021/ NĐ-CP ngày 26/01/2021 về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo NĐ số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ các Quyết định số 3096/QĐ-BNN-KH ngày 15/7/2021 và số 3082/QĐ-BNN-KH ngày 15/8/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Phê duyệt và điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án “Trồng, bảo vệ và phát triển rừng”;

Xét đề nghị của Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam tại Tờ trình số 442/TTr-KHLN-KH ngày 22/8/2022 và Viện Khoa học Lâm nghiệp Nam Trung Bộ và Tây Nguyên Tờ trình số 143/TTr-NTB&TN trình thẩm định, phê duyệt dự án thành phần “Trồng, bảo vệ và phát triển rừng tại Viện Khoa học Lâm nghiệp Nam Trung Bộ và Tây Nguyên” Thuộc dự án “Trồng, bảo vệ và phát triển rừng”;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp (tại Báo cáo kết quả thẩm định số 2134/BC-TCLN-KHTC ngày 16/12/2022 và Vụ trưởng Vụ Kế hoạch.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng dự án thành phần (DATP) “Trồng, bảo vệ và phát triển rừng tại Viện Khoa học Lâm nghiệp Nam Trung Bộ và Tây Nguyên” thuộc dự án “Trồng, bảo vệ và phát triển rừng” với các nội dung chính như sau:

1. Tên dự án: dự án thành phần “Trồng, bảo vệ và phát triển rừng tại Viện Khoa học Lâm nghiệp Nam Trung Bộ và Tây Nguyên” thuộc dự án “Trồng, bảo vệ và phát triển rừng”.

2. Loại, nhóm dự án, cấp công trình:

- Loại dự án: Dự án đầu tư xây dựng công trình phục vụ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Nhóm dự án: Nhóm C;

- Cấp công trình: Cấp III.

3. Người quyết định đầu tư: Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn.

4. Đơn vị được giao chuẩn bị dự án: Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam.

5. Chủ đầu tư DATP (từ giai đoạn thực hiện dự án đến kết thúc xây dựng): Viện Khoa học Lâm nghiệp Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

6. Tổ chức lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Liên danh Công ty Cổ phần tư vấn và đầu tư xây dựng phát triển nông thôn, Công ty TNHH GCF Việt Nam, Công ty cổ phần Quang Minh Phát Gia Lai.

Chủ nhiệm dự án: Kiến trúc sư Nguyễn Tiến Đạt.

7. Mục tiêu đầu tư: Quản lý bảo vệ và phát triển rừng bền vững 5.565 ha rừng do Viện Khoa học Lâm nghiệp Nam Trung Bộ và Tây Nguyên được giao quản lý, nâng cao độ che phủ của rừng, cải thiện môi trường sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học và lưu giữ nguồn nước.

8. Địa điểm đầu tư: TP. Đà Lạt và huyện Đức Trọng tỉnh Lâm Đồng.

9. Quy mô, nội dung đầu tư và các giải pháp thiết kế cơ sở chủ yếu:

a) Quy mô, nội dung đầu tư:

- Trồng mới 04 ha và trồng bổ sung 16 ha ha rừng các loài cây gỗ lớn;
- Cải tạo, nâng cấp 3,5km đường quản lý, bảo vệ rừng;
- Xây dựng 02 nhà quản lý, bảo vệ rừng (tại Lang Hanh và Cam Ly);
- Mua sắm trang thiết bị phục vụ bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng.

b) Các giải pháp thiết kế cơ sở chủ yếu:

* Trồng mới 04ha và trồng bổ sung 16 ha rừng các loài cây gỗ lớn:

- Trồng mới 04ha cây gỗ lớn tại phân trạm TNLN Cam Ly, TP. Đà Lạt và tại phân trạm TNLN Lang Hanh, huyện Đức Trọng tỉnh Lâm Đồng. Trồng các loại cây: Bạch tùng, Bách xanh, Trắc, Dáng hương,...

- Trồng bổ sung 16ha các loài cây gỗ lớn tại phân trạm TNLN Cam Ly, TP. Đà Lạt và tại phân trạm TNLN Lang Hanh, huyện Đức Trọng tỉnh Lâm Đồng. Trồng các loại cây: Bách Xanh, Bạch Tùng, Thông 5 lá, Lá phong, Dáng hương,...

* Cải tạo, nâng cấp 3,5km đường quản lý, bảo vệ rừng (bao gồm các tuyến đường tại Phân trạm thực nghiệm Lâm nghiệp Cam Ly, L=2.846m và Phân Trạm thực nghiệm Lâm nghiệp Lang Hanh, L=560m).

- Tuyến 1 (L=669m) tại Phân Trạm thực nghiệm Lâm nghiệp Cam Ly

+ Phương án tuyến: Hướng tuyến thiết kế cơ bản bám theo đường cũ và đường mòn hiện có; điều chỉnh nâng cao độ đường đồ một số đoạn để đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật.

+ Cấp hạng tuyến đường: Đường GTNT cấp B.

+ Vận tốc thiết kế: 20km/h.

- Nền đường: Bnền=6,0m; đào, đắp bổ sung gia cố đạt tiêu chuẩn thiết kế độ đầm chặt $K \geq 0,95$; lớp đất dưới đáy áo đường $K \geq 0,98$;

- Mặt đường: Bmặt=5,0m; kết cấu mặt đường bằng bê tông xi măng M250 dày 18cm, móng cấp phối đá dăm.

- Lề đường: Blề= 2x0,5m, lề không gia cố, độ dốc lề=4%, độ đầm chặt $K \geq 0,95$.

+ Rãnh dọc: Tại các đoạn đắp thấp và nền đào, thiết kế đào đất tạo rãnh dọc dạng hình thang.

+ Công trình thoát nước bằng BTXM và BTCT. Tải trọng tính toán: H30 – XB80, tần suất thiết kế P=10%.

- Từ tuyến 2 đến tuyến 4 (tổng chiều dài L= 2.177m. Trong đó: tuyến 2 L=430m; tuyến 3 L= 867m; tuyến 4 L=880m) tại Phân Trạm thực nghiệm Lâm nghiệp Cam Ly.

+ Phương án tuyến: Hướng tuyến thiết kế cơ bản bám theo đường cũ và đường mòn hiện có; điều chỉnh nâng cao độ đường đồ một số đoạn để đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật.

+ Cấp hạng tuyến đường: Đường GTNT cấp B.

+ Vận tốc thiết kế: 20km/h.

- Nền đường: Bnền=5,0m; đào, đắp bổ sung gia cố đạt tiêu chuẩn thiết kế độ đầm chặt $K \geq 0,95$; lớp đất dưới đáy áo đường $K \geq 0,98$;

- Mặt đường: Bmặt=3,5m. kết cấu mặt đường bằng bê tông xi măng M250 dày 16cm, móng cấp phối đá dăm.

- Lề đường: Blề= 2x0,75m, lề không gia cố, độ dốc lề=4%, độ đầm chặt $K \geq 0,95$.

+ Rãnh dọc: Tại các đoạn đắp thấp và nền đào, thiết kế đào đất tạo rãnh dọc dạng hình thang.

+ Công trình thoát nước bằng BTXM và BTCT. Tải trọng tính toán: H30 – XB80, tần suất thiết kế $P=10\%$.

- Tuyến 1 và tuyến 2 (tổng chiều dài $L=560\text{m}$, trong đó: tuyến 1 $L=360\text{m}$; tuyến 2 $L=200\text{m}$) tại Phân Trạm thực nghiệm Lâm nghiệp Lang Hanh.

+ Phương án tuyến: Tuyến được thiết kế cơ bản bám theo đường cũ và đường mòn hiện có nhằm tận dụng tối đa nền đường và một số công trình thoát nước hiện có.

+ Cấp hạng tuyến đường: Đường GTNT cấp D.

- Nền đường: $B_{\text{nền}}=3,5\text{m}$; đào, đắp mở rộng nền đường đạt tiêu chuẩn thiết kế, độ đầm chặt $K \geq 0,95$;

- Mặt đường: $B_{\text{mặt}}=1,5\text{m}$. kết cấu mặt đường bằng bê tông xi măng M200 dày 12cm, móng cấp phối đá dăm.

- Lề đường: $B_{\text{lề}}=2 \times 1,0\text{m}$, lề không gia cố, độ dốc lề $=4\%$, độ đầm chặt $K \geq 0,95$.

* Xây dựng 02 nhà quản lý, bảo vệ rừng (tại Lang Hanh và Cam Ly):

- Xây dựng nhà quản lý, bảo vệ rừng tại phân trạm thực nghiệm lâm nghiệp Lang Hanh (huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng).

+ Kiến trúc: công trình thiết kế 02 tầng, có diện tích xây dựng khoảng 130m^2 ($65\text{m}^2/\text{tầng}$). Mặt bằng tầng 1 gồm 01 phòng làm việc diện tích 16m^2 , 01 khu bếp + phòng ăn diện tích 22m^2 ; Mặt bằng tầng 2 bố trí 2 phòng ở, có diện tích 16m^2 và 22m^2 . Mỗi tầng có 1 phòng vệ sinh diện tích 8m^2 ; hành lang hiện trước nhà rộng 1,6m. Cao độ nền nhà $+0,45\text{m}$ so với sân, cao độ đỉnh mái $+8,700\text{m}$.

+ Kết cấu: hệ móng băng BTCT. Cột, dầm mái, giằng thu hồi, lanh tô, sàn mái bằng BTCT. Tường, bậc tam cấp, tường thu hồi mái xây gạch BTKN vữa XM. Mái lợp tôn múi, xà gồ bằng thép. Nền nhà đổ bê tông xi măng, dưới là lớp cát tôn nền đầm chặt.

+ Hoàn thiện: nền phòng, tường trong nhà vệ sinh ốp, lát gạch ceramic. Trát tường trong và ngoài nhà vữa XM, sơn nước không bảo. Hệ thống cửa đi, cửa sổ bằng khung nhôm, kính an toàn.

+ Cấp điện trong nhà: dây đi ngầm, luôn trong ống nhựa mềm. Lắp đặt các thiết bị và phụ kiện điện kèm theo.

+ Cấp, thoát nước trong nhà: dùng ống nhựa chôn ngầm; lắp đặt bồn nước inox, các thiết bị và phụ kiện kèm theo.

+ Chống sét: dùng kim thu sét lắp đặt trên đỉnh mái, hệ thống tiếp địa theo quy định.

- Xây dựng nhà quản lý, bảo vệ rừng (tại Phân Trạm thực nghiệm Lâm nghiệp Cam Ly, TP. Đà Lạt).

+ Kiến trúc: công trình xây dựng cấp IV, 01 tầng, có diện tích xây dựng khoảng 112m^2 . Mặt bằng bố trí 01 phòng làm việc, 02 phòng ở mỗi phòng có diện tích 17m^2 , 01 khu bếp + phòng ăn có diện tích $22,5\text{m}^2$, 01 khu vệ sinh

diện tích 13m² bố trí chia làm 2 phòng vệ sinh. Hành lang hiện trước nhà rộng 1,5m. Cao độ nền nhà +0,45m so với sân, cao độ đỉnh mái +5400m.

+ Kết cấu: hệ móng băng BTCT. Cột, dầm mái, giằng thu hồi, lanh tô, sàn mái bằng BTCT. Tường, bậc tam cấp, tường thu hồi mái xây gạch BTKN vữa XM. Mái lợp tôn múi, xà gồ bằng thép. Nền nhà đổ bê tông xi măng, dưới là lớp cát tôn nền đầm chặt.

+ Hoàn thiện: nền phòng, tường trong nhà vệ sinh lát, ốp gạch ceramic. Trát tường trong và ngoài nhà vữa XM, sơn nước không bảo. Hệ thống cửa đi, cửa sổ bằng khung nhôm, kính an toàn.

+ Cấp điện trong nhà: dây đi ngầm, luồn trong ống nhựa mềm. Lắp đặt các thiết bị và phụ kiện điện kèm theo.

+ Cấp, thoát nước trong nhà: dùng ống nhựa chôn ngầm; lắp đặt bồn nước inox, các thiết bị và phụ kiện kèm theo.

+ Chống sét: dùng kim thu sét lắp đặt trên đỉnh mái, hệ thống tiếp địa theo quy định.

+ Hệ thống cấp điện từ đường hạ thế cấp vào nhà.

+ Sân trước nhà đổ bê tông xi măng, dưới có lớp cát đệm đầm chặt.

+ Trụ cổng bên trong bằng BTCT, bên ngoài xây gạch BTKN bao quanh. Trát ngoài vữa XM, sơn hoàn thiện 3 nước.

+ Cửa cổng: cửa 2 cánh, bằng thép hộp vuông. Sơn chống rỉ màu lá cây sẫm.

+ Hàng rào trụ BTCT, khoảng cách giữa 2 trụ bê tông là 3m. Tường xây gạch BTKN, trát ngoài vữa xi măng, trên lắp khung lưới B40.

* Mua sắm trang thiết bị phục vụ bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng.

- Máy định vị vệ tinh cầm tay: 02 bộ.

- Flycam theo dõi, giám sát quản lý rừng: 01 bộ.

(Chi tiết danh mục thiết bị tại Phụ lục II đính kèm)

10. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được áp dụng:

a) Số bước thiết kế: 02 bước, thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công.

b) Danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn chủ yếu được áp dụng:

- Các quy chuẩn kỹ thuật: QCVN 03: 2012/BXD về nguyên tắc phân loại, phân cấp công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật đô thị QCVN 01: 2008/BCT về an toàn điện;

- Các tiêu chuẩn thiết kế xây dựng: TCVN 2737: 1995 Tải trọng và tác động, TCVN 9379: 2012 Kết cấu xây dựng và nền, TCVN 9362:2012 Nền nhà và công trình, TCVN 5574: 2018 Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép, TCVN 5573: 2011 Kết cấu gạch đá và gạch đá có cốt thép, TCVN 5575:2012 Kết cấu thép; TCVN 10380:2014: Đường giao thông nông thôn – Yêu cầu thiết kế; TCVN 9436:2012: Nền đường ô tô – Thi công và nghiệm thu;

- Các quy chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn xây dựng khác có liên quan

11. Tổng mức đầu tư

Tổng mức đầu tư của dự án là: **15.00.000.000 đồng.**

(Bằng chữ: Mười lăm tỷ đồng)

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	9.668.982.000	đồng
- Chi phí trồng rừng:	1.734.731.000	đồng
- Chi phí thiết bị:	100.000.000	đồng
- Chi phí quản lý dự án:	375.366.000	đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư:	970.617.000	đồng
- Chi phí khác:	205.226.000	đồng
- Chi phí dự phòng:	1.945.078.000	đồng

(Chi tiết tại phụ lục I kèm theo)

12. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách Nhà nước (trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 do Bộ Nông nghiệp và PTNT được giao quản lý).

13. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Thuê tổ chức tư vấn quản lý dự án.

14. Tiến độ thực hiện dự án: 3 năm.

Điều 2. Phân giao nhiệm vụ:

a) Viện khoa học Lâm nghiệp Việt Nam (Đơn vị được giao chuẩn bị dự án):

- Đầu mối, chủ trì tổng hợp trình Bộ điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án (nếu có) và tổng hợp báo cáo Bộ các nội dung liên quan về tình hình thực hiện dự án, đảm bảo tính tổng thể, đồng bộ toàn dự án:

- Chủ trì hoàn thiện hồ sơ, trình quyết toán các chi phí chuẩn bị dự án theo quy định;

- Cung cấp các hồ sơ tài liệu có liên quan ở giai đoạn chuẩn bị dự án cho Chủ đầu tư DATP có liên quan;

- Hoàn chỉnh hồ sơ báo cáo nghiên cứu khả thi theo nội dung được duyệt tại Quyết định này và các ý kiến thẩm định tại báo cáo kết quả thẩm định của Tổng cục Lâm nghiệp;

- Thực hiện lưu trữ hồ sơ giai đoạn chuẩn bị dự án theo quy định.

b) Viện Khoa học Lâm nghiệp Nam Trung Bộ và Tây Nguyên (Chủ đầu tư DATP từ giai đoạn thực hiện đến kết thúc dự án):

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và Bộ trưởng về việc quản lý và thực hiện nhiệm vụ chủ đầu tư DATP theo quy định;

- Tổ chức quản lý và thực hiện DATP theo nội dung Quyết định phê duyệt dự án và các quy định hiện hành của Nhà nước, của địa phương về quản lý dự án, quản lý chi phí đầu tư, quản lý chất lượng công trình xây dựng, đảm bảo an toàn, đưa công trình vào khai thác sử dụng đúng mục đích, an toàn, có hiệu quả;

- Trình Bộ (qua Tổng cục Lâm nghiệp) thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu DATP phù hợp với kế hoạch thực hiện và nguồn vốn được cấp; tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt và các quy định có liên quan;

- Tổ chức lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, thiết kế trồng rừng trình Tổng cục Lâm nghiệp thẩm định theo quy định trước khi phê duyệt; lưu ý các ý kiến thẩm định nêu trong báo cáo kết quả thẩm định của Tổng cục Lâm nghiệp;

- Tổ chức thẩm định, phê duyệt các thiết bị phục quản lý, bảo vệ rừng theo quy định;

- Làm việc với các cơ quan quản lý xây dựng, cấp điện, cấp, thoát nước và vệ sinh môi trường... tại địa phương về các thủ tục có liên quan theo quy định (nếu cần);

- Lập hồ sơ thanh quyết toán các chi phí giai đoạn thực hiện dự án và kết thúc xây dựng DATP theo quy định.

c) Vụ Kế hoạch: Tham mưu Bộ bố trí nguồn vốn ngân sách theo tiến độ thực hiện DATP và kế hoạch vốn trung hạn được duyệt;

d) Vụ Tài chính: Chủ trì quyết toán hoàn thành DATP;

e) Tổng cục Lâm nghiệp: Thực hiện nhiệm vụ cơ quan chủ trì thẩm định; thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước giúp Bộ trưởng hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra Chủ đầu tư tổ chức quản lý, thực hiện dự án và DATP; thẩm định, trình Bộ phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu DATP phù hợp với kế hoạch thực hiện và nguồn vốn được cấp;

g) Cục Quản lý xây dựng công trình: phối hợp trong quá trình thực hiện dự án khi có yêu cầu của đơn vị chủ trì thẩm định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Bộ, Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp, Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình; Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch, Tài chính; Giám đốc Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam, Viện trưởng Viện Khoa học Lâm nghiệp Nam Trung Bộ và Tây Nguyên và Thủ trưởng cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TTr Nguyễn Quốc Trị;
- Kho bạc NN nơi giao dịch;
- Lưu: VT, TCLN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Hoàng Hiệp

Phụ lục I
CHI TIẾT TỔNG MỨC ĐẦU TƯ
Dự án thành phần: Trồng, bảo vệ và phát triển rừng tại Viện Khoa học
Lâm nghiệp Nam Trung Bộ và Tây Nguyên
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNN-TCLN ngày tháng 01 năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung chi phí	Giá trị
	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	15.000.000.000
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	9.668.982.000
1	Cải tạo, nâng cấp đường quản lý, bảo vệ rừng	7.268.240.000
-	<i>Đường quản lý, bảo vệ rừng tại phân trạm TNLN Cam Ly</i>	6.902.641.000
-	<i>Đường quản lý, bảo vệ rừng tại phân trạm TNLN Lang Hanh</i>	365.599.000
2	Xây dựng 02 nhà quản lý, bảo vệ rừng (tại Lang Hanh và Cam Ly)	2.400.742.000
-	<i>Nhà quản lý, bảo vệ rừng tại phân trạm TNLN Cam Ly</i>	1.254.287.000
-	<i>Nhà quản lý, bảo vệ rừng tại phân trạm TNLN Lang Hanh</i>	1.146.455.000
II	CHI PHÍ TRỒNG RỪNG	1.734.731.000
1	Trồng mới 04 ha và trồng bổ sung 16 ha rừng	1.734.730.800
-	<i>Trồng ừng tại phân trạm TNLN Lang Hanh</i>	280.254.000
-	<i>Trồng rừng tại phân trạm TNLN Cam Ly</i>	1.454.476.800
III	CHI PHÍ THIẾT BỊ	100.000.000
1	Máy định vị vệ tinh GPS cầm tay	30.000.000
2	Flycam theo dõi, giám sát quản lý rừng	70.000.000
IV	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	375.366.000
1	QLDA giai đoạn chuẩn bị dự án	7.830.000
2	QLDA giai đoạn thực hiện đầu tư	367.536.000
V	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	970.617.000
	<i>Giai đoạn chuẩn bị dự án</i>	<i>255.204.000</i>
1	Chi phí khảo sát giai đoạn lập BCNCKT	169.274.000
2	Chi phí giám sát khảo sát bước lập BCNCKT	6.774.560
3	Chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi	72.972.000
4	Chi phí tư vấn lựa chọn nhà thầu khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi	1.552.000
5	Thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi	4.631.000
	<i>Giai đoạn thực hiện dự án và kết thúc xây dựng</i>	<i>715.413.000</i>
1	Chi phí khảo sát giai đoạn thiết kế BVTC	98.222.000
2	Chi phí giám sát khảo sát bước TKBVTC	4.000.000
3	Chi phí thiết kế bản vẽ thi công, dự toán công trình	281.511.000
-	<i>Thiết kế BVTC các hạng mục công trình QL BVR</i>	239.791.000
-	<i>Thiết kế hạng mục trồng rừng</i>	41.720.000
4	Chi phí lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng	34.905.025
5	Chi phí lựa chọn nhà thầu cung cấp thiết bị	1.100.000

STT	Nội dung chi phí	Giá trị
6	Chi phí thẩm định HSMT và kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu	5.934.491
-	<i>Chi phí thẩm định HSMT và kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp thiết bị</i>	1.100.000
-	<i>Chi phí thẩm định HSMT và kết quả lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng</i>	4.834.491
7	Chi phí giám sát thi công xây dựng	251.200.000
8	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị	1.100.000
9	Thẩm tra TKBVTC	18.463.000
10	Thẩm tra Dự toán	17.877.000
11	Thẩm định giá thiết bị	1.100.000
VI	CHI PHÍ KHÁC	205.226.000
1	Phí thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi	1.558.000
2	Chi phí Kiểm toán	82.236.201
3	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	53.181.818
4	Phí thẩm định thiết kế kỹ thuật	11.480.000
5	Phí thẩm định dự toán xây dựng	11.097.000
6	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu	45.672.727
VI	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	1.945.078.000

Phụ lục II
CHI TIẾT DANH MỤC THIẾT BỊ
Dự án thành phần: Trồng, bảo vệ và phát triển rừng tại Viện Khoa học
Lâm nghiệp Nam Trung Bộ và Tây Nguyên

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNN-TCLN ngày tháng năm
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng
1	Máy định vị vệ tinh cầm tay (Cho Trạm TNLN Cam Ly và Trạm TNLN Lang Hanh)	bộ	2
2	Flycam theo dõi, giám sát quản lý rừng	bộ	1